

THƯ VIỆN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HÀ XUÂN ĐÀO

Giám đốc Thư viện TP Đà Nẵng

1. Thực trạng của hệ thống Thư viện công cộng Thành phố Đà Nẵng (1997 - 2000)

1.1 Thư viện Thành phố

Từ tháng 1 năm 1997 tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng đã có quyết định chia tách thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là Tỉnh Quảng Nam và Thành phố Đà Nẵng. Mặc dù có quyết định chia tách nhưng thực tế Thư viện Đà Nẵng vẫn tiếp tục trách nhiệm đối với hệ thống Thư viện cơ sở và phong trào đọc sách báo của Tỉnh Quảng Nam cho đến khi có bộ máy Thư viện hoạt động (cuối 1998). Sau khi chia tách Thư viện đã được lãnh đạo địa phương, ngành VH TT và các ban ngành chức năng Thành phố quan tâm tạo nhiều điều kiện để tổ chức hoạt động ngày càng tốt hơn.

Tuy vậy so với yêu cầu và tình hình phát triển của hệ thống Thư viện trong cả nước thì sự quan tâm vẫn còn những hạn chế. Cơ sở vật chất, phòng ốc Thư viện cho đến hiện nay vẫn chỉ là những ngôi nhà tiếp quản đã qua sử dụng hàng chục năm. Tuy gần đây (2001) Thành phố có đầu tư kinh phí sửa chữa, nâng cấp nhưng đó cũng chỉ là sửa chữa mang tính tạm thời, trong khi đó yêu cầu phát triển Thư viện đòi hỏi tính đặc thù và đồng bộ cao, điều đó đã hạn chế đến quá trình mở rộng các hình thức hoạt động của Thư viện. Hàng năm Thành phố đầu tư bổ sung trung bình 2000 bản sách và

180 loại báo tạp chí, đến nay vốn sách đã được nâng lên 115.000 bản (đã rút dự trữ riêng cho Thư viện Quảng Nam).

Đội ngũ cán bộ Thư viện đã từng bước được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ với 20 cán bộ nhân viên (trong đó có 3 hợp đồng gồm 15 đại học, 3 trung cấp).

Số bạn đọc có thẻ Thư viện là 2000 thẻ (không tính số lượng thẻ từ năm 1997 trở về trước), lượt bạn đọc và lượt luân chuyển sách bình quân hàng năm từ 86.534 lượt bạn đọc và 108.640 lượt tài liệu luân chuyển .

Trang thiết bị Thư viện còn nghèo nàn và lạc hậu (như bàn, ghế, giá sách, tủ mục lục) thiếu tính đồng bộ, đặc biệt là hệ thống trang thiết bị để gìn giữ bảo quản các kho sách vốn tài sản quý giá của Thư viện hầu như chưa có gì, cán bộ chuyên môn còn thiếu nên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của bạn đọc, kinh phí còn hạn chế để bổ sung và khai thác nguồn tài liệu hiện có. Mặt khác việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Thư viện trong các năm qua tiến hành chậm, thiếu cả con người và trang thiết bị, do đó kết quả còn ở mức hết sức hạn chế. Cơ sở dữ liệu sách của Thư viện hiện nay mới chỉ được 5.000 biểu ghi.

1.2. Đối với Thư viện Quận, Huyện:

Trước khi chia tách Tỉnh, Thư viện QNĐN trước đây nay là Thư viện Đà Nẵng đã quản lý hệ thống Thư viện gồm 16 huyện, thị, thành nhưng sau khi chia tách tỉnh đa số các huyện, thị thuộc về Tỉnh Quảng Nam, Thành phố Đà Nẵng về địa giới chỉ còn lại Thành phố Đà Nẵng cũ và huyện Hòa Vang do đó hệ thống Thư viện Quận, Huyện chỉ còn lại 2 Thư viện (Thư viện TP cũ hiện nay chuyển giao cho quận Sơn Trà và Thư viện Huyện Hòa Vang), các Quận mới thành

lập còn lại như quận Hải Châu, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê, Liên Chiểu, huyện Hoàng Sa đến nay đang tiếp tục ổn định cơ sở chưa xây dựng được Thư viện. Có thể nói quan điểm chỉ đạo của ngành VH TT và Thư viện trước đây là tất cả cho nông thôn và miền núi, mọi ưu tiên về phát triển Thư viện, sách báo đều tập trung cho các nơi này (đây là quan điểm đúng), nhưng thực tiễn khó khăn sau khi chia tách, đối với hệ thống Thư viện Quận, Huyện của Thành phố Đà Nẵng gần như phải xuất phát từ điểm ban đầu. Các Thư viện Quận, Huyện hiện có về cơ sở vật chất và trang thiết bị rất còn hạn chế, vốn sách báo, tạp chí, kinh phí được cấp bổ sung hàng năm song chưa nhiều. Cán bộ Thư viện còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu đọc sách báo, nghiên cứu học tập của bạn đọc, các địa phương chưa có Thư viện quận do đó việc luân chuyển sách giữa các Thư viện trong Thành phố khó khăn cũng chính vì thế mà khả năng tổ chức xây dựng và quản lý phong trào đọc sách báo ở cơ sở còn gặp nhiều trở ngại

1.3. Tủ sách, phòng đọc sách, phong trào đọc sách ở cơ sở

Từ trước năm 1997 phong trào đọc sách báo ở cơ sở gần như chưa có gì. Năm 1997, cùng với chủ trương phát động xây dựng thôn văn hóa, khối phố văn hoá của Thành phố, điểm đọc sách báo các thôn văn hóa, khối phố văn hoá, bưu điện văn hoá xã; các tủ sách pháp luật xã, phường, tủ sách của các đoàn thể xã hội (hội cựu chiến binh, người cao tuổi, hội khuyến học ...) đã từng bước được hình thành phục vụ nhu cầu đọc sách báo của nhân dân.

Hiện đã xây dựng được 13 điểm bưu điện văn hoá xã, 15 thôn văn hoá mỗi điểm có phòng đọc, tủ sách với số sách

bình quân từ 200 đến 250 bản, các phường đã xây dựng được hàng chục tủ sách, phòng đọc sách của khối phố... Từ nay đến cuối năm theo chỉ tiêu phân đấu của ngành VH TT số lượng tủ sách thôn, khối phố văn hóa còn phát triển nhiều hơn nữa. Tuy vậy nguồn sách báo bổ sung cho các sở sở này còn quá hạn chế, chủ yếu trên cơ sở vận động quyên góp, các Thư viện, tủ sách này duy trì được là nhờ vào nguồn sách tài trợ của bộ VH TT.

2. Nguyên nhân của thực trạng và những tồn tại khó khăn

2.1 Nguyên nhân đầu tiên mang yếu tố khách quan là sự chia tách Tỉnh, chúng ta điều biết rằng cùng với sự tái lập về mặt hành chính của nhiều Tỉnh Thành phố, nhiều Thư viện Tỉnh, Thành phố phải ở vào vị trí xuất phát chậm và gần như phải tổ chức lại từ đầu cả về vật chất lẫn nhân lực, Thư viện Đà Nẵng cũng đang ở vào tình trạng như thế.

2.2 Nguyên nhân thứ hai làm hạn chế về số lượng bạn đọc cũng như lượt luân chuyển sách là do cơ sở vật chất Thư viện còn nhỏ hẹp manh mún không đủ sức đáp ứng nhu cầu đọc tại chỗ và do số lượng sách có hạn, yêu cầu quản lý sách báo nên buộc Thư viện phải hạn chế đối tượng cấp thẻ cũng như khống chế số lượng sách cho mượn theo từng loại thẻ (Thư viện Đà Nẵng hiện nay ngoài bạn đọc là CBCN các cơ quan đơn vị, nhân dân... chỉ cấp thẻ cho đối tượng là sinh viên các trường Đại học. Các đối tượng là học sinh cấp III các trường tuy có nhu cầu đọc sách rất cao nhưng Thư viện chưa dám cấp thẻ, vì quá đông, và số lượng sách khi giải quyết cho mượn theo từng thẻ cũng chỉ khống chế số lượng từ 1, 2 đến tối đa là 3 bản.)

2.3 Nguyên nhân thứ ba đó là sự đầu tư về kinh phí cơ sở

vật chất và các trang thiết bị để Thư viện có điều kiện hoạt động mở rộng các hình thức phục vụ. Có thể nói đây là nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân làm phát sinh các nguyên nhân khác. Chúng ta biết rằng trong điều kiện hiện nay mọi kết quả công việc không thể đòi hỏi lấy suy nghĩ và lòng quyết tâm mà đạt được, mà phải kèm theo những điều kiện, phương tiện tối thiểu nhất định, Thư viện Đà Nẵng trong thời gian qua cũng đã được lãnh đạo ngành VH TT, lãnh đạo Thành phố quan tâm tạo điều kiện, nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ mới, so với mặt bằng phát triển chung của các Thư viện Tỉnh, Thành trong cả nước thì Thư viện Đà Nẵng cần có sự quan tâm đầu tư nhiều hơn nữa về mọi mặt.

2.4 Nguyên nhân cuối cùng chúng tôi muốn đề cập ở đây là nguyên nhân chủ quan của nội bộ bản thân Thư viện mà chủ yếu thể hiện ở các vấn đề sau:

+ Thiếu tính định hướng và tính kế hoạch cụ thể trong việc xây dựng các mặt hoạt động của Thư viện theo chủ trương của ngành và các cơ quan lãnh đạo chuyên môn đề ra.

+ Chưa thật sự phát huy dân chủ cơ sở, đặc biệt là dân chủ nội bộ dẫn đến thiếu sự tham mưu chuẩn xác và hệ quả là sự lúng túng không dám quyết đoán những vấn đề đáng ra cần được giải quyết .

+ Có tâm lý quá sức giữ gìn và nâng niu các thiết bị công nghệ mới (Như máy tính điện tử) coi chúng như những cành vàng lá ngọc nên chủ trương cửa đóng then cài, hạn chế sự tiếp cận giữa chúng với cán bộ nghiệp vụ từ đó tạo tâm lý chung cho cán bộ nhân viên Thư viện xa lánh các thiết bị công nghệ mới mà hệ quả dẫn đến là việc tìm hiểu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động Thư viện chậm.

3. Định hướng phát triển

Đất nước ta đã và đang tiếp tục công cuộc đổi mới, chủ trương công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh, việc mở cửa giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới, tình hình kinh tế xã hội có bước phát triển rõ rệt. Thành phố Đà Nẵng đã được Thủ tướng chính phủ xác định bằng văn bản là : Trung tâm kinh tế, trung tâm thông tin KHKT... cho cả khu vực miền Trung. Vì vậy Thư viện không chỉ là cơ quan văn hóa giáo dục mà còn là cơ quan thông tin khoa học công nghệ phục vụ nhu cầu thông tin đa dạng cho mọi đối tượng mọi tổ chức, cá nhân. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, hướng phát triển của Thư viện công cộng Thành phố Đà Nẵng từ nay đến năm 2005 là:

- + Tiếp tục tham mưu và đề xuất với lãnh đạo Sở VH TT để ngành tham mưu với UBND Thành phố có kế hoạch nâng cấp xây dựng mới cơ sở vật chất trang thiết bị của Thư viện đúng với tầm cỡ một Thư viện trung tâm của Thành phố phát triển, có đủ điều kiện để mở rộng các hình thức hoạt động đáp ứng nhanh hơn cao hơn nhu cầu thông tin của bạn đọc .

- + Tập trung mạnh cho việc ứng dụng và có hiệu quả công nghệ thông tin vào các hoạt động của Thư viện, phân đấu từ nay đến năm 2005 sẽ hoàn thành toàn bộ CSDL loại hình tài liệu hiện có của Thư viện, chú ý trong việc sưu tầm xây dựng kho tài liệu địa chí và CSDL tài liệu địa chí về Đà Nẵng, có kế hoạch phối hợp với Thư viện Quảng Nam xây dựng CSDL thư mục địa chí QN ĐN (bởi vì QN và ĐN có sự gắn kết không thể chia tách trong văn hóa, con người), phân đấu xây dựng được trang Web về Thư

viện Đà Nẵng hoặc ít nhất là trang Web về địa chỉ Đà Nẵng, phấn đấu trong việc kết nối mạng (cục bộ, diện rộng hoặc Internet) để khai thác thông tin và đưa thông tin lên mạng theo định hướng phát triển của Vụ Thư viện và Thư viện Quốc gia.

+ Có kế hoạch trong việc thanh lọc kho sách, trong nghiên cứu bổ sung để nâng cao chất lượng sách, mở rộng các hình thức phục vụ, biện pháp phục vụ để nâng cao lượng người đọc (như mở rộng đối tượng đến năm cuối của hệ phổ thông trung học, học sinh cấp 3 các trường chuyên, năng khiếu...) nâng cao lượt sách báo luân chuyển bằng cách mở rộng lượng sách mượn, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giới thiệu sách báo, đa dạng hóa các loại hình, bộ phận phục vụ; tăng cường tổ chức phục vụ trong và ngoài giờ.

+ Tham mưu với ngành VH TT Thành phố để có kế hoạch trong việc xây dựng Thư viện ở những Quận, Huyện chưa có Thư viện, củng cố và đẩy mạnh hoạt động các Thư viện Quận, Huyện đã có; xây dựng phong trào đọc sách báo, tủ sách xã, phòng trong các thôn, khối phố văn hóa, bưu điện văn hóa... đẩy mạnh hình thức luân chuyển sách báo để đáp ứng nhu cầu của mọi người dân.

+ Tăng cường đào tạo và cử CBTV tham gia các lớp huấn luyện, bồi dưỡng do Vụ Thư viện và Thư viện Quốc gia tổ chức để có đội ngũ cán bộ Thư viện mạnh về chuyên môn vững về lý luận chính trị; mở rộng dân chủ cơ sở xây dựng khối đoàn kết thống nhất nội bộ, phát huy năng lực sáng tạo, tính cần cù chịu khó yêu ngành, yêu nghề của đội ngũ cán bộ làm công tác Thư viện, đưa hoạt động Thư

viện Thành phố ngày càng phát triển.

4. Giải pháp thực hiện và kiến nghị

Muốn thực hiện được phương hướng phát triển trên cần có những giải pháp như sau:

+ Đảng, Nhà nước, địa phương có sự quan tâm đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống Thư viện công cộng Thành phố Đà Nẵng về các mặt:

* Trụ sở, trang thiết bị.

* Các nguồn lực thông tin

* Quy hoạch đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ Thư viện.

+ Tăng cường xây dựng và kịp thời ban hành các văn bản pháp qui về hoạt động của hệ thống Thư viện Tỉnh, Thành. Thường xuyên tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ kế hoạch của hệ thống Thư viện công cộng để có sự chỉ đạo, tác động kịp thời.

+ Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của hệ thống Thư viện công cộng trên địa bàn thành phố.

Trong các năm qua, hệ thống Thư viện công cộng Thành phố Đà Nẵng tuy gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhưng đã khắc phục vươn lên đạt được những thành tựu nhất định trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao tri thức cho nhân dân, góp phần thúc đẩy phong trào xây dựng và phát triển đời sống văn hóa của địa phương. Từ thực tiễn, ấy chúng tôi muốn nói lên một số vấn đề hiện trạng và định hướng phát triển với mong muốn góp phần xây dựng hệ thống Thư viện Tỉnh, Thành ngày càng tốt hơn.